TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày 17/6/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Ba.

2. Ông Nguyễn Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2021/TLST-DS ngày 19/3/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-DS ngày 07/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Á, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu dân cư số X, thôn L, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Thanh Th, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà 64, đường Q, tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Phạm Thị Á (sau đây viết tắt là bà Á) trình bày:*

Giữa bà và bà Phạm Thị Thanh Th (sau đây viết tắt là bà Th) có mối quan hệ quen biết với nhau nên ngày 30/11/2016 bà cho bà Th vay số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) để sử dụng cho cá nhân bà Th và hứa sẽ trả cho bà trong thời hạn một năm sau khi vay. Tuy nhiên, hết thời hạn vay nhưng bà Á không trả nợ cho bà mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th phải trả cho bà số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) nêu trên; bà không yêu cầu trả lãi.

** Tại bản tự khai ngày 30/3/2021, bị đơn là bà Phạm Thị Thanh Th trình bày:*

Trong năm 2016, bà có viết giấy mượn tiền, xác nhận số tiền nợ bà Á là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) như bà Á trình bày, cung cấp là đúng. Sau khi vay tiền, do điều kiện kinh tế của bà khó khăn nên bà chưa có điều kiện trả nợ cho bà Á.

Nay bà Á khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) nêu trên thì bà đồng ý, tuy nhiên bà mong muốn bà Á tạo điều kiện cho bà trả dần vào thời gian sau vì hiện nay bà đang rất khó khăn, phải sống nhà trọ, làm thuê và nuôi con.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Á; buộc bà Th phải trả cho bà Á số tiền nợ 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là bà Á và bị đơn là bà Th vắng mặt tại phiên tòa, có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Th thừa nhận bà có viết giấy mượn tiền ngày 30/11/2016, xác nhận bà có nợ bà Á số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và hiện nay bà chưa trả số tiền này như bà Á trình bày, khởi kiện. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là các tình tiết không phải chứng minh nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà Th có vay tiền của bà Á và hiện nay vẫn còn nợ bà Á số tiền 80.000.000 đồng, bà Th là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ nêu trên.

[2.2] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm thì bà Th vẫn chưa trả nợ cho bà Á, điều này đã thể hiện bà Th không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình trong hợp đồng vay tài sản. Vì vậy, bà Á khởi kiện yêu cầu bà Th số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) như đã nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 và các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[23] Bà Á không yêu cầu bà Th trả lãi khoản vay nêu trên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với nợ lãi.

[2.4] Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả tạm ứng án phí cho bà Á.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 144, 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005, các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Buộc Bà Phạm Thị Thanh Th có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Á số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Buộc Bà Phạm Thị Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

4. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Á số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0003493 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Đô